

07 Tháng Một 2022

# Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeasset.com.vn](mailto:cs@miraeasset.com.vn)



## Nhận định thị trường

### VN-Index gặp kháng cự tại 1.530, nhóm vốn hóa vừa và nhỏ trở lại cuộc đua

Khởi đầu năm 2022 thuận lợi, VN-Index đã có tuần tăng 30,2 điểm tương ứng với mức tăng 2,02%, chốt tuần tại mức 1.528,48 điểm. Thị trường chỉ giao dịch 4 phiên trong tuần, trong đó VN-Index có 3 phiên cố gắng chinh phục ngưỡng 1.530 nhưng chưa thành công.

Nhóm cổ phiếu họ Vingroup (VIC, VHM và VRE) là nhóm ảnh hưởng lớn đến VN-Index trong tuần, VIC tăng 7,5% giúp chỉ số tăng 7,2 điểm, VHM tăng 4,1% giúp chỉ số tăng 3,9 điểm và VRE tăng 15,4% ảnh hưởng +2,8 điểm. Đáng chú ý khi trong top 10 cổ phiếu ảnh hưởng chỉ số có nhiều mã ngoài VN30 như DIG và GEX tăng mạnh 21,1% và 20,5% giúp chỉ số tăng 2,7 điểm và 1,9 điểm.

Khối ngoại bán ròng 575 tỷ đồng trong tuần, MSN dẫn đầu nhóm bán ròng với giá trị 395 tỷ đồng, tiếp theo là CII với giá trị 391 tỷ đồng tiếp theo là VNM với giá trị bán ròng 348 tỷ đồng. Bên phía mua ròng, khối này mua VHM với giá trị 594 tỷ đồng và là cổ phiếu dẫn đầu danh sách mua ròng.

Ngưỡng 1.530 hiện là kháng cự ngắn hạn cho VN-Index, chỉ số có thể sẽ tiếp tục diễn biến kiểm định ngưỡng này trong tuần sau. Chúng tôi nhận thấy dòng tiền đang trở lại nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ nhanh và có thể tạo ra sự phân hóa trong tuần sau. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức **+4 (KHẢ QUAN)**. Mức P/E của VN-Index đang ở mức 17,84 lần

**Phạm Bình Phương**, Analyst, 84-8-39102222, [phuong.pb@miraeasset.com.vn](mailto:phuong.pb@miraeasset.com.vn)

### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	4	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	4	<b>KHẢ QUAN</b>
VN DIAMOND	1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-5	<b>TIÊU CỰC</b>
Kospi	-4	<b>TIÊU CỰC</b>
Nikkei 225	-2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	0	TRUNG TÍNH

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

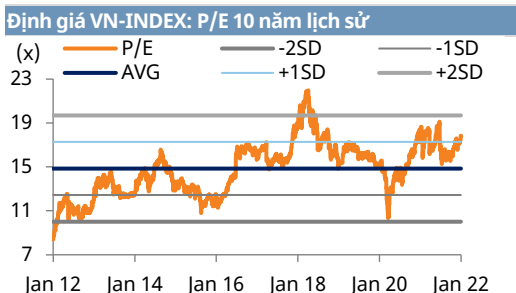
Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,528.48	2.02	5.65	32.17
HNX	493.84	4.19	10.62	128.39
UPCOM	115.60	2.59	4.29	53.36
MSCI EM	1,217.07	-1.21	-1.50	-7.96
NIKKEI	28,478.56	-1.48	0.08	3.60
HANG SENG	23,476.97	0.34	-2.11	-14.78
KOSPI	2,954.89	-0.76	-1.23	-2.53
FTSE	7,450.37	0.64	1.51	8.65
S&P 500	4,696.05	-1.73	0.20	23.46
NASDAQ	15,080.87	-4.20	-3.86	15.41

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.84	2.81	16.01
SET INDEX	15.30	1.78	7.59
JCI INDEX	25.10	2.23	7.86
PCOMP INDEX	23.09	1.72	7.69

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	0.92	6	13	-31
10 năm	2.10	0	1	-27

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,731	0.42	1.59	1.54
US\$/KRW	1,202	-1.05	-1.82	-9.53
US\$/JPY	116	-0.72	-1.99	-10.44
US\$/EUR	0.88	0.61	-0.32	8.55
US\$/GBP	0.74	-0.04	-2.15	0.24
US\$/SGD	1.36	-0.78	0.50	-2.57

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	1,278	1,132	885
HNX	178	143	128
UPCOM	114	87	67



### Thị trường trái phiếu:

- Trong tuần KBNN đã huy động thành công 5.127 tỷ đồng, đạt 74,5% tổng lượng gọi thầu. Tỷ lệ chào mua/ gọi thầu đạt 2,4 lần so với mức 1,7 lần của tuần trước. Kỳ hạn 10 năm phát hành thành công 2.132 tỷ đồng/ 3.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,07% (1bps); Kỳ hạn 15 năm phát hành thành công 2.750/ 3.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,35% (+2bps) và kỳ hạn 20 năm phát hành thành công 335/ 1.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,75%.
- Tuần sau vào ngày 12/01 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 6.500 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 7 năm có giá trị 500 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 2.500 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng; và (4) kỳ hạn 30 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng..

### Thị trường tiền tệ:

- **Lãi suất liên ngân hàng:** Tại ngày 05/01, lãi suất kỳ hạn O/N, 1 tuần, 2 tuần, 1 tháng ghi nhận các mức tăng mạnh lần lượt +66 bps lên 1,47%, +41 bps lên 1,96%, +18 bps lên 2,06%, +23 bps lên 2,54%. Tại các kỳ hạn dài hơn, kỳ hạn 3 tháng và 6 tháng ghi nhận mức giảm 14 bps về 2,92% và -34 bps về 2,93%.
- Tỷ giá VND/USD của NHNN tại ngày 07/01 trong tuần đã giảm 0,03% về mức 23.138 VND/USD. Tỷ giá NHTM giảm ở cả chiều mua lẫn chiều bán với mức giảm lần lượt 0,133% và 0,131% về mức 22.580 – 22.890 VND/USD. Trên thị trường tự do giao dịch ở mức 23.490 – 23.530, tăng lần lượt 0,085% ở chiều mua và 0,115% ở chiều bán.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	4	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	4	<b>KHẢ QUAN</b>
VN DIAMOND	1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Giá trị	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (07/01/2022)	1,528.48	Kháng cự 1	<b>1.500</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	<b>Tăng</b>	Kháng cự 2	<b>1.550</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	<b>Tăng</b>	Hỗ trợ 1	<b>1.480</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	<b>Tăng</b>	Hỗ trợ 2	<b>1.430</b>

Thành công chinh phục ngưỡng 1.500 đã giúp xu hướng trung hạn của VN-Index cải thiện lên mức Tăng. Kháng cự ngắn hạn của chỉ số hiện tại làm vùng 1.530. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **+4 (KHẢ QUAN)**.

## Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

## Nhận định phái sinh

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (07/01/2022)	1,539	Kháng cự 1 <b>1.600</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	<b>KHẢ QUAN</b>	Kháng cự 2 <b>1.550</b>
VN30 - đóng cửa	1.532	Hỗ trợ 1 <b>1.500</b>
Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b>	<b>+1,3</b>	Hỗ trợ 2 <b>1.480</b>

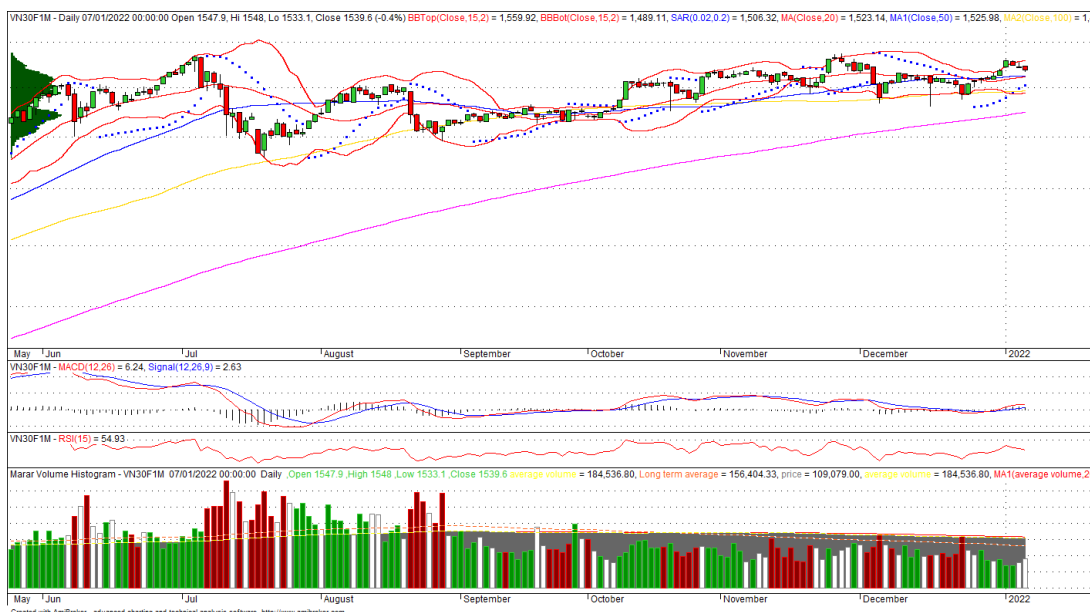
  

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
<b>VN30F1M (chart 15 phút)</b>	-3	TRUNG TÍNH
<b>VN30F1M (chart 60 phút)</b>	1	TRUNG TÍNH
<b>VN30F1M (chart ngày)</b>	4	<b>KHẢ QUAN</b>

Áp lực bán mạnh khi VN30F1M chạm gần ngưỡng 1,560 điểm, đã khiến cho đà tăng điểm có phần bị suy giảm và có xu hướng kiểm định lại ngưỡng hỗ trợ ở trong ngắn hạn quanh vùng 1,527 điểm. Vì vậy chúng tôi khuyên nghị nhà đầu tư khẩu vị rủi ro cao có thể mở vị thế LONG khi VN30F1M về quanh vùng hỗ trợ.

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
<b>+ Short</b>	n/a	<b>+ Long</b>	1.525
<b>+ Stop loss (Cắt lỗ)</b>	n/a	<b>+ Stop loss (Cắt lỗ)</b>	1.520
<b>+ Take profit (Chốt lời)</b>	n/a	<b>+ Take profit (Chốt lời)</b>	1.570

### Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)



Nguồn: Fdata

## TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ - MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
KDH	Bất động sản	56,600	2,654,895	89	6	
VHM	Bất động sản	85,400	7,640,985	80	7	
GEX	Điện	49,000	17,648,480	97	7	
BID	Ngân hàng	39,200	2,297,005	83	7	
ASM	Thủy sản	25,000	3,893,070	82	7	Top sức mạnh ngành
HBC	Xây dựng	34,500	10,080,430	81	7	Top sức mạnh ngành
LCG	Xây dựng	25,450	8,622,845	99	5	Top sức mạnh ngành

(\*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(\*\*) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

## ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
GEX	49	17,648,480	7	KHẢ QUAN	41,723	30.9	3.6	865
CII	57.9	12,845,360	7	KHẢ QUAN	13,837	4,889.6	2.9	744
VHM	85.4	7,640,985	7	KHẢ QUAN	371,863	9.6	3.3	653
FLC	22.55	27,406,200	7	KHẢ QUAN	16,010	10.5	1.7	618
LDG	27.3	18,232,210	7	KHẢ QUAN	6,537	215.0	2.1	498
HBC	34.5	10,080,430	7	KHẢ QUAN	8,363	82.4	2.3	348
VIX	34.6	5,882,610	7	KHẢ QUAN	9,501	10.5	3.2	204
PVD	31.55	6,034,345	7	KHẢ QUAN	13,287	349.9	1.0	190
PVS	29	6,473,720	7	KHẢ QUAN	13,861	24.5	1.1	188
TTF	15.7	9,867,875	7	KHẢ QUAN	4,886	#N/A N/A	#N/A N/A	155
SAM	29	3,500,965	7	KHẢ QUAN	10,150	84.9	2.6	102
GAS	107.5	930,400	7	KHẢ QUAN	205,750	25.1	4.2	100
ART	18.1	5,518,120	7	KHẢ QUAN	1,754	185.7	1.5	100
DRH	34.9	2,818,880	7	KHẢ QUAN	2,106	120.6	2.5	98
ASM	25	3,893,070	7	KHẢ QUAN	6,472	11.3	1.3	97
CTD	113.6	831,055	7	KHẢ QUAN	8,390	156.2	1.0	94
VHG	12.6	7,208,490	7	KHẢ QUAN	1,890	#N/A N/A	10.0	91
BID	39.2	2,297,005	7	KHẢ QUAN	198,294	20.1	2.4	90
DPG	85	1,042,855	7	KHẢ QUAN	5,355	14.2	4.3	89
TSC	17.45	5,031,550	7	KHẢ QUAN	2,576	22.9	1.5	88
PVX	8	10,290,390	7	KHẢ QUAN	3,200	#N/A N/A	15.3	82
VPI	60.2	1,208,115	7	KHẢ QUAN	13,244	42.0	4.6	73
VCG	55.9	11,616,485	6	KHẢ QUAN	24,692	43.1	3.7	649
VRE	34.75	8,618,580	6	KHẢ QUAN	78,963	36.4	2.6	299
HHV	27.67	10,284,995	6	KHẢ QUAN	7,487	48.0	1.2	285
VIC	102.2	2,768,705	6	KHẢ QUAN	388,893	81.9	3.8	283
PAN	39.6	3,993,940	6	KHẢ QUAN	8,272	39.0	2.2	158
KDH	56.6	2,654,895	6	KHẢ QUAN	36,390	30.5	3.7	150
VCB	79.8	1,180,260	6	KHẢ QUAN	377,656	17.9	3.5	94

IDI	15.75	5,890,040	6	KHẢ QUAN	3,585	43.4	1.2	93
HHS	12.4	6,723,995	6	KHẢ QUAN	3,986	22.4	1.1	83
CEO	92.5	7,835,885	5	KHẢ QUAN	23,804	#N/A N/A	8.6	725
POW	20.15	32,389,600	5	KHẢ QUAN	47,189	16.3	1.6	653
DIG	117.1	5,567,045	5	KHẢ QUAN	58,537	66.7	9.9	652
ROS	16	40,735,200	5	KHẢ QUAN	9,082	49.6	1.5	652
DXG	39.2	10,257,345	5	KHẢ QUAN	23,364	30.2	2.7	402
SCR	24.4	12,893,995	5	KHẢ QUAN	8,939	31.7	1.8	315
HQC	10.2	26,133,896	5	KHẢ QUAN	4,861	1,154.3	1.1	267
BSR	24.3	9,203,860	5	KHẢ QUAN	75,342	#N/A N/A	2.4	224
LCG	25.45	8,622,845	5	KHẢ QUAN	4,388	12.6	2.0	219
AAA	22.8	9,521,375	5	KHẢ QUAN	7,443	21.6	1.6	217
FCN	32.2	6,213,415	5	KHẢ QUAN	4,039	34.3	1.8	200
VGT	30.5	5,775,760	5	KHẢ QUAN	15,250	53.5	2.5	176
KLF	10.3	10,990,685	5	KHẢ QUAN	1,703	1,198.9	1.0	113
NBB	52.3	1,936,885	5	KHẢ QUAN	5,238	11.8	2.7	101
AMD	10.25	9,820,285	5	KHẢ QUAN	1,676	62.5	0.9	101
TNG	36.1	2,658,025	5	KHẢ QUAN	3,346	15.6	2.3	96
HAI	9.85	8,335,250	5	KHẢ QUAN	1,799	131.3	0.9	82
STB	31.95	19,678,256	4	KHẢ QUAN	60,233	17.1	1.8	629
SHS	51.5	6,404,680	4	KHẢ QUAN	16,751	12.6	3.6	330
SHB	22.1	10,550,415	4	KHẢ QUAN	58,938	12.0	1.9	233
MBB	28.6	7,791,425	4	KHẢ QUAN	108,060	9.7	1.9	223
LPB	22.2	6,820,775	4	KHẢ QUAN	26,720	9.7	1.7	151
GVR	38.5	3,448,605	4	KHẢ QUAN	154,000	30.9	3.1	133
APS	37.5	3,002,645	4	KHẢ QUAN	3,113	8.8	3.2	113
NLG	65.1	6,519,660	3	TRUNG TÍNH	24,929	15.0	2.8	424
VGK	59	2,097,295	3	TRUNG TÍNH	26,453	27.8	4.0	124
DBC	74.8	1,371,130	3	TRUNG TÍNH	8,620	8.8	1.8	103
GMD	48.15	1,590,390	3	TRUNG TÍNH	14,511	33.4	2.5	77
SSI	51.6	14,848,800	2	TRUNG TÍNH	50,689	23.8	3.7	766
VPB	34.6	15,951,775	2	TRUNG TÍNH	153,813	12.4	2.5	552
KBC	62	8,650,565	2	TRUNG TÍNH	35,325	36.3	2.3	536
TCB	49.45	8,150,530	2	TRUNG TÍNH	173,615	10.0	2.0	403
ITA	18.35	21,155,664	2	TRUNG TÍNH	17,218	104.4	1.6	388
CTG	33.2	8,811,205	2	TRUNG TÍNH	159,551	9.6	1.7	293
HSG	35.35	6,780,285	2	TRUNG TÍNH	17,445	4.2	1.6	240
IJC	32.8	5,518,130	2	TRUNG TÍNH	7,121	9.6	2.2	181
HDB	30.3	5,640,665	2	TRUNG TÍNH	60,364	10.8	2.2	171
DLG	10.4	13,965,305	2	TRUNG TÍNH	3,113	#N/A N/A	1.4	145
SBT	26.25	4,883,255	2	TRUNG TÍNH	16,515	24.6	2.0	128
VIB	46.2	2,685,315	2	TRUNG TÍNH	71,755	12.8	3.2	124
MWG	135.5	824,495	2	TRUNG TÍNH	96,589	22.1	5.1	112
KSB	46.3	2,245,345	2	TRUNG TÍNH	3,394	13.4	2.0	104
SZC	71.5	1,348,830	2	TRUNG TÍNH	7,150	27.8	5.1	96
VJC	123.8	744,420	2	TRUNG TÍNH	67,051	54.5	4.0	92
IDC	78	3,321,620	1	TRUNG TÍNH	23,400	43.0	5.8	259
BCG	25.9	3,088,230	1	TRUNG TÍNH	11,559	9.1	2.7	80

HPG	45.8	17,183,800	0	TRUNG TÍNH	204,860	6.5	2.4	787
TCH	28.5	14,979,385	0	TRUNG TÍNH	17,634	21.8	1.8	427
HNG	13.1	22,104,444	0	TRUNG TÍNH	14,522	257.9	2.2	290
TPB	41	5,629,710	0	TRUNG TÍNH	64,852	12.5	2.6	231
FIT	16.75	11,462,590	0	TRUNG TÍNH	4,401	29.1	1.3	192
ACB	33.3	3,551,280	0	TRUNG TÍNH	89,975	9.3	2.1	118
HAG	14.3	33,600,120	-2	TRUNG TÍNH	13,262	#N/A N/A	2.7	480
NVL	86.4	3,316,740	-2	TRUNG TÍNH	166,788	47.6	4.9	287
HCM	44.85	3,771,285	-2	TRUNG TÍNH	20,506	16.9	3.5	169
VNM	85.2	1,776,780	-2	TRUNG TÍNH	178,064	18.9	5.7	151
PC1	39.4	2,160,750	-2	TRUNG TÍNH	9,265	14.1	2.0	85
VND	80	6,416,410	-4	TIÊU CỰC	34,796	15.8	4.0	513
VCI	72.1	2,344,080	-4	TIÊU CỰC	24,009	17.3	3.8	169
NKG	36.7	4,430,860	-4	TIÊU CỰC	8,052	3.9	1.5	163
FRT	88.8	1,567,765	-4	TIÊU CỰC	7,014	61.4	5.3	139
FPT	93.4	1,167,960	-4	TIÊU CỰC	84,758	21.0	5.0	109
MSN	154	4,263,835	-6	TIÊU CỰC	181,802	75.8	8.4	657
PDR	93	3,930,255	-6	TIÊU CỰC	45,828	28.7	7.3	366
KDC	53.8	2,119,500	-6	TIÊU CỰC	13,537	26.4	2.3	114
NTL	39.65	2,056,125	-6	TIÊU CỰC	2,418	8.2	2.0	82
DPM	46.85	5,734,050	-7	TIÊU CỰC	18,334	11.7	2.1	269
DCM	35.1	5,925,330	-7	TIÊU CỰC	18,582	20.6	2.8	208
DGC	153.2	1,162,115	-7	TIÊU CỰC	26,209	21.1	5.3	178

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### Samsung Electronics tìm kiếm nhiều thương vụ M&A trong tương lai gần

Phát biểu tại cuộc họp báo ngày khai mạc Triển lãm Điện tử Tiêu dùng (CES) ở Las Vegas (Mỹ), Phó chủ tịch kiêm người đứng đầu Bộ phận Device eXperience (DX) của Samsung Electronics Co., Han Jong-hee cho biết Samsung đang tìm kiếm các thỏa thuận mua bán và sáp nhập (M&A) trong bối cảnh “đại gia” công nghệ này mong muốn mang tới các sản phẩm khác biệt cho khách hàng và mở rộng hơn nữa hoạt động kinh doanh.

Mặc dù không nói rõ về thời gian của một thỏa thuận tiềm năng hoặc các mục tiêu cụ thể, song ông Han Jong-hee cho hay Samsung đang tìm kiếm cơ hội M&A trong nhiều ngành khác nhau, trong đó có cả chip và thành phẩm.

Thương vụ M&A lớn gần nhất của Samsung, nhà cung cấp chip nhớ và điện thoại thông minh lớn nhất thế giới, đã diễn ra vào năm 2016, khi hãng này mua lại công ty chuyên về các giải pháp ô tô kết nối Harman International Industries (Mỹ) với giá 8 tỷ USD. Samsung cho biết thỏa thuận này sẽ giúp doanh nghiệp có sự hiện diện đáng kể trong thị trường xe điện đang phát triển nhanh chóng.

Theo ông Han Jong-hee, thành công của Samsung sẽ phụ thuộc vào việc liệu hãng có thể tiếp tục mang đến những trải nghiệm mới và khác biệt cho khách hàng thông qua các cải tiến hay không.

Thế giới đã chứng kiến những thay đổi và phát triển mạnh mẽ về công nghệ chỉ trong hai năm ngắn ngủi do đại dịch, khác biệt hoàn toàn so với tốc độ đã trải qua trong 20 năm qua. Giờ là lúc để định nghĩa lại các sản phẩm tiêu dùng. Samsung không chỉ cung cấp sản phẩm mà còn mang tới giá trị gia tăng cho người dùng thông qua hệ sinh thái các sản phẩm của doanh nghiệp.

### Lần đầu tiên trong một thế kỷ, General Motors không còn là nhà sản xuất ô tô lớn nhất nước Mỹ

Gần đây nhất là năm 2005, Toyota đứng thứ 4 về doanh số bán hàng tại Mỹ, sau GM, Ford và DaimlerChrysler. Tuy nhiên, vào năm 2021, GM, Ford và Stellantis - nhà sản xuất ô tô châu Âu sở hữu Chrysler chỉ còn chiếm có 38% thị trường Mỹ trong 9 tháng đầu năm. Ngay cả việc bổ sung thêm Tesla cũng chỉ giúp các nhà sản xuất ô tô Mỹ đạt hơn 40% doanh số.

Doanh số bán xe của Toyota dẫn đầu trên đất Mỹ

Cả Toyota và GM đều báo cáo doanh số bán hàng cuối năm vào ngày 4/1 vừa qua. GM đã công bố doanh số bán hàng cả năm tại Mỹ là 2,2 triệu xe, vượt Toyota tới 114.000 xe, tương đương 5%.

Dù vậy thì thực tế là GM lại đứng sau Toyota về doanh số bán hàng trong quý II và đứng sau rất xa trong quý III. Doanh số bán hàng trong quý IV của Toyota giảm 30% so với 3 tháng cuối năm 2020, nhưng doanh số bán hàng của GM lại giảm 43%, vì thế Toyota vẫn vươn lên dẫn đầu.

### Thu hút vốn FDI Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam: Tăng mạnh

Năm 2021, Bình Dương đứng thứ 4 cả nước về thu hút vốn FDI. Tính đến tháng 11, địa phương này đã có 64 dự án FDI mới, 24 dự án điều chỉnh vốn và 161 dự án đầu tư theo hình thức góp vốn hoặc mua cổ phần với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 2 tỷ USD. Lũy kế đến nay, tỉnh này có 4.011 dự án FDI đến từ 65 quốc gia, vùng lãnh thổ với tổng vốn đăng ký 37 tỷ USD.



Giám đốc Sở KH&ĐT Bình Dương Mai Bá Trước cho biết, dòng vốn FDI đã góp phần giúp tỉnh vượt khó để thực hiện “mục tiêu kép”. Trong năm 2021, chỉ số sản xuất công nghiệp của tỉnh tăng 4,5% so với năm 2020; kim ngạch xuất khẩu đạt 31,5 tỷ USD (tăng 13,5%); kim ngạch nhập khẩu ước đạt 24,6 tỷ USD (tăng 14,7%); thặng dư thương mại đạt 6,8 tỷ USD.

Năm nay, TPHCM là địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ dịch COVID-19, khi có nhiều tháng liền phải giãn cách xã hội nhưng vẫn đứng vị trí thứ 3 cả nước về vốn FDI với gần 3,74 tỷ USD, chiếm gần 12% tổng vốn đầu tư FDI của cả nước. Tính đến cuối tháng 11/2021, tổng số dự án của nhà đầu tư Nhật Bản vào TPHCM là 3.218 dự án với tổng vốn đầu tư đạt 7,41 tỷ USD. Tương tự, Long An xếp thứ 2 về thu hút vốn FDI trong năm 2021 với trên 3,84 tỷ USD, chiếm 12,3% tổng vốn đầu tư cả nước.

Tại Đồng Nai, năm 2021 có 165 dự án của doanh nghiệp FDI được cấp giấy chứng nhận đầu tư. Trong đó, 55 dự án cấp mới với tổng vốn đăng ký 450 triệu USD và 110 dự án đề nghị bổ sung vốn thêm 850 triệu USD. Tính chung cả năm, thu hút đầu tư nước ngoài của tỉnh Đồng Nai đạt 1,3 tỷ USD, vượt kế hoạch đề ra.

Hiện tại, Đồng Nai đã thu hút hơn 1.600 dự án có vốn đầu tư nước ngoài thuộc 42 quốc gia, vùng lãnh thổ với tổng vốn đăng ký gần 32,4 tỷ USD. Các dự án FDI khá đa dạng, đầu tư vào các ngành nghề với quy mô và trình độ công nghệ khác nhau, chiếm đa số là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, dệt may, giày dép.

Từ đầu năm đến nay, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã cấp mới 46 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký quy đổi tương đương 974,7 triệu USD, tổng diện tích đất sử dụng gần 290ha. Trong đó, 13 dự án FDI với tổng vốn đầu tư đăng ký 207,76 triệu USD, diện tích đất sử dụng hơn 49ha.

Ngoài ra, cũng có 25 dự án điều chỉnh tăng vốn đầu tư, với tổng vốn đăng ký tăng thêm là 267,81 triệu USD. Những dự án đầu tư vào Bà Rịa-Vũng Tàu đều có quy mô lớn, riêng khu vực FDI vốn đăng ký bình quân khoảng 103 triệu USD cho một doanh nghiệp.

### **146.990 tỷ đồng làm 729 km cao tốc Bắc Nam: Đề xuất tính lại suất đầu tư**

Phải chấm dứt tình trạng "bán thầu"

Thảo luận tại tổ về nội dung này, theo Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc, để làm tốt những dự án đang và sắp triển khai, cần làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư như quy hoạch, thiết kế... đi liền với công tác giải phóng mặt bằng, trong đó, bảo đảm quyền lợi chính đáng của người dân trong khu vực giải tỏa, mà trước hết phải tổ chức tốt nơi tái định cư cho người dân.

Nhấn mạnh việc chống thất thoát, lãng phí trong thực hiện các dự án, Chủ tịch nước cho rằng, các đơn vị thi công thực hiện dự án phải đáp ứng đủ năng lực về tài chính, kinh nghiệm, thiết bị thi công; song song với phải chấm dứt tình trạng “bán thầu”.

"Nhiều đơn vị nhờ quan hệ nên nhận được gói thầu, sau đó bán thầu cho đơn vị khác, qua nhiều bước trung gian. Dự án cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi có một số gói do bán thầu nên nên định mức vật tư bị ảnh hưởng, dẫn đến chất lượng công trình bị ảnh hưởng. Đây là kinh nghiệm hết sức sâu sắc", Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc nhấn mạnh.

Tính toán lại suất đầu tư

Cho ý kiến về dự án, Chủ nhiệm Ủy ban Tài chính – Ngân sách Nguyễn Phú Cường, với tổng mức đầu tư sơ bộ 146.990 tỷ đồng làm 729 km đường cao tốc Bắc - Nam - tương đương hơn 200 tỷ đồng/km. Theo ông Cường, suất đầu tư này là hơi cao.

"Đương nhiên, Bộ GTVT tính suất đầu tư căn cứ vào định mức kinh tế kỹ thuật song cũng đề nghị Bộ xem lại", Chủ nhiệm Ủy ban Tài chính – Ngân sách cho ý kiến.

Cũng liên quan đến vấn đề này, đại biểu Trịnh Xuân An (đoàn Đồng Nai) dẫn báo cáo mới đây của Kiểm Toán Nhà nước tính toán suất đầu tư cao tốc Bắc Nam là 152,9 tỷ đồng/km, trong khi Chính phủ đề xuất là 175 tỷ đồng/km (không gồm giải phóng mặt bằng).

Cụ thể, theo Kiểm toán Nhà nước, số liệu sơ bộ tổng mức đầu tư 12 dự án thành phần mới (729 km) của cao tốc Bắc Nam là 130.604 tỷ đồng. Trong đó, chi phí xây dựng, thiết bị là 89.111 tỷ đồng; giải phóng mặt bằng 19.097 tỷ; chi phí quản lý dự án 6.036 tỷ đồng và khoản dự phòng 16.361 tỷ đồng.

Như vậy, con số Kiểm toán Nhà nước tính toán giảm 16.330 tỷ đồng so với dự kiến của Chính phủ, với suất đầu tư bình quân 152,9 tỷ đồng/km (không bao gồm giải phóng mặt bằng).

### **Bộ Công Thương đề nghị Trung Quốc khôi phục thông quan ở cửa khẩu, lùi thời gian áp lệnh 248 và 249 thêm 8 tháng**

Bộ Công Thương đề xuất với phía Trung Quốc một số biện pháp tạo thuận lợi thông quan và vận tải tại các cửa khẩu đường sắt, đường bộ và đường biển, đặc biệt là đối với nông sản.

Một lần nữa, Bộ Công Thương đề nghị phía Trung Quốc mở lại các cửa khẩu biên giới đang tạm dừng hoạt động, khôi phục nhập khẩu trái cây tươi, hàng đông lạnh tại một số cửa khẩu.

Đồng thời, mở rộng danh mục các cửa khẩu được chỉ định nhập khẩu trái cây, lương thực và chủng loại mặt hàng, doanh nghiệp Việt Nam đủ điều kiện xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc...

Một giải pháp khác có thể giải quyết tình trạng ùn ứ cửa khẩu là tăng thời gian thông quan và cung cấp kế hoạch hoạt động của các cửa khẩu biên giới đất liền cho phía Việt Nam, cũng như thống nhất phương án sử dụng lái xe chuyên trách mỗi bên.

Liên quan đến Lệnh 248 và 249 (có hiệu lực 1/1/2022), Bộ Công Thương đề nghị phía Trung Quốc lùi thời hạn áp dụng thêm 8 tháng để giúp các doanh nghiệp Việt Nam có thời gian chuẩn bị, đáp ứng các quy định mới.

Phản hồi ý kiến trên, phía Trung Quốc khẳng định coi trọng chống dịch, đặt an toàn tính mạng người dân lên hàng đầu, việc ùn ứ cửa khẩu khiến cả hai bên đều thiệt hại.

Song, phía Trung Quốc đề nghị Việt Nam tăng cường phòng chống dịch đối với hàng hóa, người và phương tiện vận chuyển qua cửa khẩu.

Ngoài ra, Trung Quốc thông báo mở lại thông quan cửa khẩu Long Bang (Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng) vào ngày 5/1.

### **Xuất khẩu gạo của Việt Nam trong năm 2020 vượt 6,1 triệu tấn**

Theo ước tính của liên bộ, xuất khẩu gạo năm 2020 đạt khoảng 6,15 triệu tấn, trị giá đạt khoảng 3,07 tỷ USD.

Mặc dù lượng gạo xuất khẩu giảm khoảng 3,5% so với năm 2019, chủ yếu vì mục tiêu bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, nhưng trị giá xuất khẩu lại tăng tới 9,3%. Giá xuất khẩu bình quân cả năm ước đạt 499 USD/tấn, tăng 13,3% so với năm 2019.

Đây là mức giá bình quân năm cao nhất trong những năm gần đây, mang lại lợi ích to lớn cho người dân trồng lúa.

### **Viglacera báo lãi năm 2021 cao nhất trong lịch sử hoạt động**

Tổng Công ty Viglacera - CTCP (Mã: VGC) cho biết năm 2021, lợi nhuận trước thuế toàn tổng công ty ước đạt 1.575 tỷ đồng, đạt 146% kế hoạch năm và tăng 87,5% so với năm

2020. Trong đó lợi nhuận của công ty mẹ ước đạt trên 1.100 tỷ đồng, vượt 20% so với kế hoạch năm 2021 và tăng 56% so với năm 2020.

Đây là năm đầu tiên lợi nhuận công ty mẹ đạt trên 1.000 tỷ đồng và lợi nhuận của tổng công ty cao nhất trong lịch sử hoạt động.

Kết phiên 6/1, cổ phiếu VGC dừng ở mốc 56.800 đồng/cp, tăng khoảng 67% trong vòng gần 2,5 tháng qua. Giá trị vốn hoá của Viglacera đạt 25.466 tỷ đồng.

Viglacera thực hiện IPO năm 2014 và bắt đầu giao dịch cổ phiếu trên UPCoM từ quý IV/2015 với giá trị vốn hoá khoảng 130 triệu USD và đến giữa tháng 12/2021 đã cán mốc trên 1 tỷ USD.

### **SAM Holdings muốn mua 36% vốn đơn vị là chủ đầu tư Cảng quốc tế Mỹ Thủy hơn 14.200 tỷ đồng**

Hội đồng quản trị CTCP SAM Holdings (Mã: SAM) vừa thông qua phương án mua 36% vốn điều lệ của CTCP Liên doanh Cảng Quốc tế Mỹ Thủy (MTIP). Thời gian dự kiến thực hiện trong quý I này.

Tổng Giám đốc SAM Holdings được cử làm người đại diện vốn góp tại MTIP.

Công ty Liên doanh Cảng Quốc tế Mỹ Thủy có địa chỉ tại số 169 Quốc lộ 9, phường 5, TP Đông Hà, Quảng Trị và bắt đầu hoạt động từ 14/1/2015 tới nay. Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thi công xây dựng nhà cao tầng với số vốn điều lệ ban đầu là 500 tỷ đồng.

Liên doanh Cảng Quốc tế Mỹ Thủy là chủ đầu tư của dự án Khu bến cảng Mỹ Thủy tại huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư vào tháng 1/2019, gồm 10 bến cảng, đầu tư theo ba giai đoạn 2018 - 2036, với tổng vốn đầu tư 14.234 tỷ đồng, trong đó vốn góp 2.143 tỷ đồng.

Cụ thể, giai đoạn 1 đến năm 2025, đầu tư 4 bến, tổng vốn đầu tư 4.946 tỷ đồng. Giai đoạn 2 (2026 - 2031) đầu tư ba bến, tổng vốn đầu tư 4.980 tỷ đồng. Giai đoạn 3 (2032 - 2036) đầu tư ba bến, tổng vốn đầu tư 4.308 tỷ đồng. Dự án đã được khởi công vào ngày 27/2/2020.

### **Báo Mỹ ví VinFast là ngôi sao đang lên trên thị trường xe điện thế giới**

Tận dụng sự quan tâm dành cho xe điện, nhiều công ty xe điện, trong đó có VinFast, đang thu hút được sự quan tâm của cả các thị trường khó tính như Mỹ.

VinFast được thành lập từ năm 2017 và có mẫu xe chạy xăng SUV đầu tiên lên kệ 2 năm sau đó. Mới đây, VinFast giới thiệu 5 mẫu xe điện mới tại sự kiện CES đồng thời tuyên bố sẽ dừng sản xuất xe xăng, tập trung hoàn toàn vào xe điện từ cuối năm nay. Gần đây, VinFast trải qua những biến động tương đối lớn về mặt nhân sự nhưng "nếu một công ty từ một quốc gia nào đó có thể biến điều này thành hiện thực, đó sẽ là Việt Nam", Michael Dunne, giám đốc công ty tư vấn ZoZo Go, nói. "Họ là những người kiên cường, nhiều tham vọng nhất trên thế giới".

### **Dabaco (DBC): Lên kế hoạch lợi nhuận năm 2022 vào mức 918 tỷ đồng, chia thưởng cổ phiếu 1:1**

Tập đoàn Dabaco (DBC) vừa công bố kế hoạch kinh doanh năm 2022 với doanh thu 22.559 tỷ đồng, LNST dự thu về hơn 918 tỷ đồng.

Theo DBC, năm 2022 được dự báo tiếp tục là một năm đầy khó khăn, thách thức của nền kinh tế thế giới và trong nước khi dịch COVID-19 vẫn diễn biến phức tạp với sự xuất hiện của các biến thể mới; chuỗi cung ứng - sản xuất - chế biến - tiêu thụ đứt gãy; dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm tiếp tục diễn biến phức tạp. Dịch tả lợn Châu Phi tái bùng phát trên nhiều tỉnh, thành cả nước ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc tổ chức

nuôi tái đàn. Dữ liệu của Tổ chức Thú y Thế giới (OIE) cho hay trên 40 quốc gia ở châu Âu, châu Á và châu Phi đã ghi nhận các đợt bùng phát cúm gia cầm lớn kể từ tháng 5 đến nay. Các ổ dịch cúm gia cầm trong nước có dấu hiệu bùng phát trở lại tại nhiều địa phương và có có chiều hướng lây lan ra diện rộng...

Bản kế hoạch SXKD năm 2022 được xây dựng trên cơ sở đánh giá thận trọng mọi yếu tố liên quan. HĐQT cũng nhất trí xin ý kiến cổ đông thông qua việc chia thưởng cổ phiếu tỉ lệ 1:1 cho cổ đông hiện hữu từ Quỹ phát triển kinh doanh thuộc nguồn vốn chủ sở hữu DBC. Song song, Công ty sẽ phát triển mảng chăn nuôi lợn tại các tỉnh phía nam và nhất trí giao cho Tổng Giám đốc và Ban điều hành tìm kiếm đối tác phù hợp để triển khai phát triển đàn lợn thịt đạt mục tiêu 1 triệu con thường xuyên tại các tỉnh phía Nam vào năm 2028.

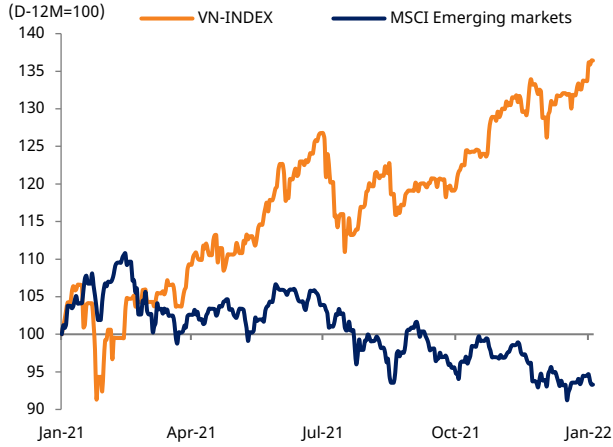
**Biwase (BWE) ước lãi kỷ lục 738 tỷ đồng trong năm 2021, tăng 40% so với năm trước**

CTCP Nước - Môi trường Bình Dương - Biwase (Mã CK: BWE) công bố báo cáo hoạt động năm 2021 với tổng doanh thu ước tính đạt 3.572 tỷ đồng, tăng 7% và lợi nhuận sau thuế 738 tỷ đồng, tăng 40% so với thực hiện năm trước.

So với kế hoạch đề ra, Biwase đã hoàn thành 100% kế hoạch doanh thu và vượt 34% kế hoạch lợi nhuận đề ra.

Trong 9 tháng đầu năm, Biwase đạt 506 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, như vậy ước tính trong quý 4/2021, công ty đạt 232 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, con số cao nhất từ trước tới nay.

**Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets**



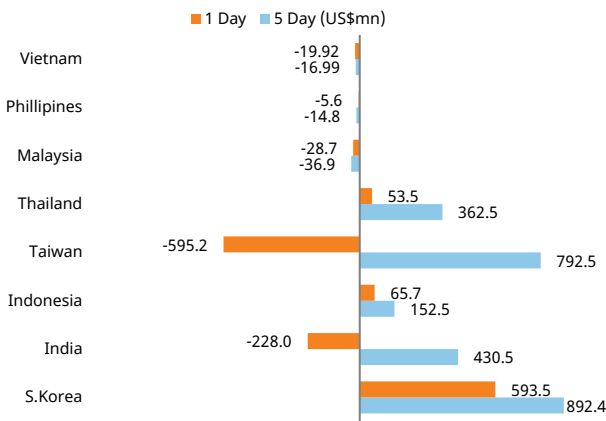
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND**



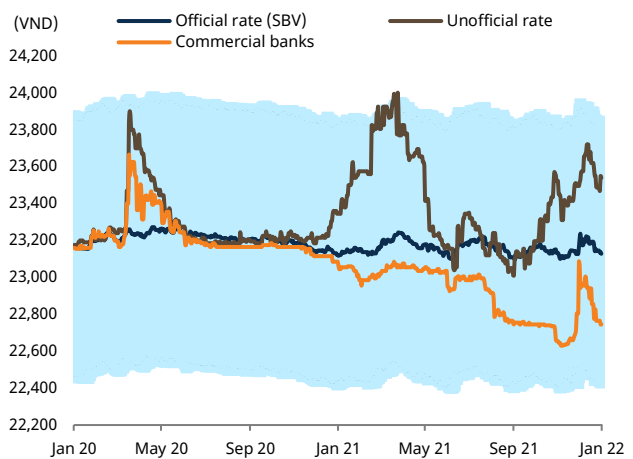
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài**



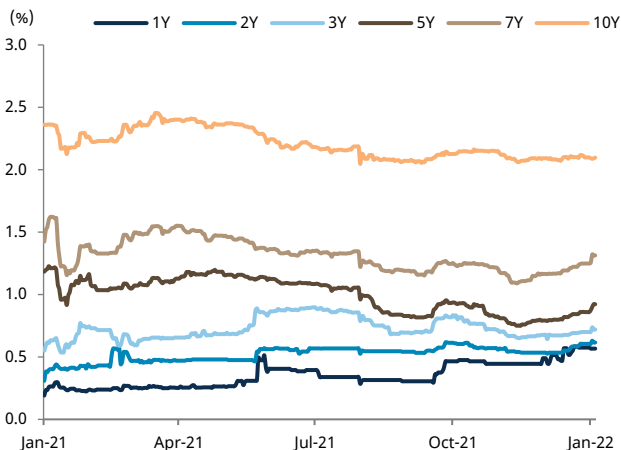
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND**



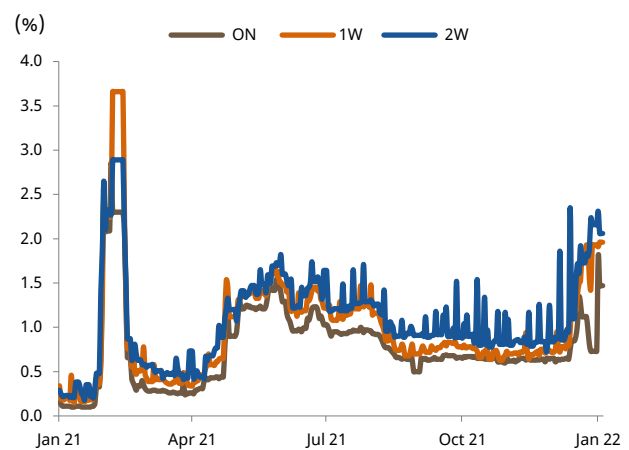
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30 Index</b>	<b>1,532.24</b>	<b>4,050,811</b>		<b>-0.8</b>	<b>0.8</b>	<b>1.3</b>	<b>35.5</b>	<b>12.4</b>	<b>10.2</b>	<b>2.2</b>	<b>1.8</b>	<b>60.4</b>	<b>21.7</b>	<b>20.2</b>	<b>20.2</b>
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	33,300	89,975	30.0	-1.3	-1.8	1.1	39.2	9.3	7.3	2.0	1.6	27.0	28.4	23.9	24.2
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	39,200	198,294	16.7	3.2	10.7	13.1	0.8	21.6	16.3	2.3	2.1	57.9	32.4	13.1	15.3
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	55,600	41,273	26.4	-1.1	0.9	-4.8	-17.0	22.4	18.8	1.9	1.8	18.6	19.0	9.1	10.1
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	33,200	159,551	25.7	-2.4	-1.8	1.5	10.3	12.2	8.8	1.6	1.4	-4.6	38.4	15.6	19.2
CTCP FPT	FPT VN	93,400	84,758	49.0	-0.1	-0.2	-2.7	71.9	20.2	16.5	4.3	3.9	29.1	22.2	24.0	25.3
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	107,500	205,750	2.7	3.7	10.8	11.4	16.0	21.2	17.4	4.1	3.7	25.9	21.6	19.7	22.3
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	38,500	154,000	0.5	-0.3	4.1	5.2	36.0	33.6	30.5	NA	NA	21.4	10.2	9.4	9.9
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM	HDB VN	30,300	60,364	17.1	-0.7	-1.0	1.0	41.3	10.5	9.5	2.0	1.7	35.1	11.3	20.9	19.9
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	45,800	204,860	23.7	-0.7	0.2	-3.8	44.5	5.6	6.5	2.1	1.6	189.3	-14.9	45.3	29.6
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	56,600	36,390	32.3	-0.4	8.6	24.9	105.5	33.1	24.4	3.7	3.4	-8.6	35.3	13.5	15.7
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	28,600	108,060	23.2	0.9	0.5	1.6	49.1	9.0	7.5	1.7	1.4	44.5	19.5	21.7	21.7
Tập đoàn Masan	MSN VN	154,000	181,802	31.7	0.1	-10.2	1.4	67.4	34.3	29.6	8.3	6.5	325.9	16.0	31.5	22.4
CTCP Thế giới di động	MWG VN	135,500	96,589	49.0	-1.5	0.9	1.5	68.3	21.0	15.2	4.8	3.9	11.7	38.0	26.6	28.3
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	86,400	166,788	7.7	-2.0	0.1	0.5	117.8	40.4	29.4	5.5	4.8	-4.4	37.4	13.8	13.9
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	93,000	45,828	3.1	-0.9	-1.5	-4.9	121.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	56,300	71,534	17.3	1.4	4.3	5.2	1.3	26.0	18.0	3.1	3.1	215.6	44.6	14.7	16.3
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	93,900	21,350	47.4	-0.7	1.5	0.1	15.1	22.9	15.7	3.8	3.2	-5.0	45.9	18.4	22.9
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	20,150	47,189	2.8	4.7	15.5	35.7	43.9	26.0	20.5	1.5	1.4	-22.4	27.0	7.3	7.7
TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	153,200	98,244	62.6	-0.9	2.9	0.1	-22.5	27.7	22.9	4.5	4.0	-22.5	20.9	17.7	19.3
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	51,600	50,689	38.4	-0.6	-1.9	-1.1	127.1	22.6	24.6	NA	NA	76.5	-8.4	17.7	13.7
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	31,950	60,233	17.8	-2.3	4.8	13.9	73.2	19.4	14.6	1.7	1.6	31.9	33.2	10.0	11.4
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	49,450	173,615	22.5	-0.9	0.3	-1.1	42.9	10.0	8.5	1.9	1.5	40.1	18.8	21.0	20.0
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	41,000	64,852	39.6	-2.4	0.6	15.8	95.2	13.7	11.2	2.5	2.1	18.9	22.2	21.2	20.2
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	79,800	377,656	23.6	0.9	1.8	3.7	-4.8	18.7	15.5	3.3	2.6	22.1	20.6	20.5	20.4
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	85,400	371,863	23.5	0.1	4.7	4.7	17.1	10.2	9.2	3.0	2.4	30.7	11.4	31.5	27.5
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	102,200	388,893	13.7	-2.2	7.6	-4.2	4.4	190.6	74.3	4.2	4.0	-64.3	156.3	4.2	5.7
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	123,800	67,051	16.4	0.0	-1.7	0.7	-0.6	NA	53.9	NA	NA	-9,965.6	-117.8	1.0	10.1
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	85,200	178,064	54.6	-0.2	-0.1	-1.5	-22.8	17.7	16.7	5.4	5.1	0.9	5.8	33.0	33.6
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	34,600	153,813	15.2	-1.6	-2.3	-2.9	78.5	12.2	10.2	1.8	1.6	19.9	19.2	18.0	16.1
CTCP Vincom Retail	VRE VN	34,750	78,963	30.5	-2.4	13.9	16.0	2.5	42.8	27.6	2.6	2.4	-22.5	55.2	6.1	9.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

**Bảng 2: Biến động ngành**

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN-Index</b>	<b>30.20</b>	<b>5,955,798</b>	<b>0.0</b>	<b>2.9</b>	<b>5.6</b>	<b>32.2</b>	<b>14.1</b>	<b>11.5</b>	<b>2.3</b>	<b>2.0</b>	<b>68.9</b>	<b>23.3</b>	<b>19.4</b>	<b>19.7</b>
Ô tô và phụ tùng	0.02	9,632	0.1	0.7	-0.2	44.6	7.5	6.2	1.3	1.2	20.8	22.3	10.5	11.5
Ngân hàng	-2.88	1,785,895	-0.5	-0.8	4.9	33.3	12.6	10.1	2.0	1.7	32.4	23.2	17.5	17.6
Xây dựng cơ bản	9.49	376,785	2.7	11.2	32.2	166.0	15.7	13.3	0.5	0.4	27.4	32.9	8.1	8.5
Dịch vụ thương mại	-0.06	5,330	-2.4	-3.3	-2.4	8.1	10.0	6.9	NA	NA	-7.8	45.5	7.6	10.6
May mặc và trang sức	0.10	50,044	0.0	1.1	1.7	67.3	16.0	11.3	2.2	1.9	11.7	39.0	12.9	15.5
Dịch vụ tiêu dùng	0.02	9,416	0.3	0.4	1.4	28.5	NA	19.8	NA	NA	NA	NA	-8.7	2.6
Dịch vụ tài chính	-0.39	192,608	-0.4	-0.7	4.5	162.6	9.7	6.8	NA	NA	80.7	-8.4	15.8	12.5
Năng lượng	1.12	97,598	1.4	4.5	6.6	17.8	45.6	17.6	2.6	2.5	NA	NA	12.1	13.9
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-4.54	598,745	-0.4	-2.5	2.6	18.4	21.9	18.7	5.0	4.2	NA	9.1	23.2	20.7
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.12	4,404	0.4	12.0	5.4	88.9	9.1	11.9	NA	NA	40.4	-23.7	10.9	9.1
Hàng cá nhân và gia dụng	0.03	1,733	3.5	6.4	7.0	-0.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	-0.16	55,253	-1.1	-1.1	-3.6	-4.5	18.5	15.5	1.6	1.5	19.9	18.7	7.7	8.6
Nguyên vật liệu	0.50	548,458	-0.8	0.5	0.9	63.9	14.8	13.6	1.3	1.1	NA	2.8	26.2	19.9
Giải trí và truyền thông	-0.03	1,746	-1.2	-5.4	19.5	-20.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.01	33,577	2.4	10.5	31.2	50.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	20.18	1,423,464	-3.3	0.1	-3.8	16.2	12.6	11.0	2.1	2.0	5.6	14.5	11.4	11.7
Bán lẻ	-0.30	111,509	-0.2	6.4	8.9	53.2	65.1	29.4	2.9	2.6	-0.6	23.9	12.8	12.9
Phần mềm và dịch vụ	0.07	91,969	-1.2	-0.9	3.5	72.0	20.1	14.7	4.5	3.7	86.2	38.1	24.4	26.0
Thiết bị và phần cứng	0.03	11,050	-0.2	0.3	-2.6	72.0	18.6	15.2	4.0	3.6	29.4	22.7	22.1	23.3
Dịch vụ viễn thông	0.01	2,612	1.5	0.9	-3.3	203.0	20.6	15.1	6.8	5.0	95.3	36.8	29.7	29.3
Vận tải	-0.16	202,932	-1.9	0.9	27.4	311.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	7.69	323,994	0.6	0.4	10.5	35.9	93.0	83.3	0.7	0.7	62.7	NA	-169.3	62.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

### Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

#### Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	102,200	7.5	3,180,960	7.2
GAS VN	107,500	11.7	1,418,800	5.8
VHM VN	85,400	4.1	8,197,920	3.9
BCM VN	75,500	18.0	953,920	3.2
BID VN	39,200	5.7	3,782,980	2.8
VRE VN	34,750	15.4	13,307,920	2.8
DIG VN	117,100	21.1	4,264,880	2.7
GEX VN	49,000	20.5	30,508,660	1.9
POW VN	20,150	15.1	26,976,160	1.7
GVR VN	38,500	4.2	3,402,960	1.6

Nguồn: Bloomberg

#### Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
MSN VN	154,000	-9.9	2,352,180	-5.3
NVL VN	86,400	-5.1	2,658,540	-2.4
VPB VN	34,600	-3.4	13,027,980	-1.4
SSB VN	42,450	-6.9	2,248,880	-1.2
CTG VN	33,200	-2.1	11,980,120	-0.9
ACB VN	33,300	-3.5	5,027,760	-0.9
MSB VN	27,100	-6.6	10,536,400	-0.8
HPG VN	45,800	-1.3	17,230,120	-0.7
VNM VN	85,200	-1.4	2,547,480	-0.7
VJC VN	123,800	-3.5	684,880	-0.6

#### Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.